

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho  
kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019**

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 34

---

---



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 5200824701 vào ngày 05 tháng 10 năm 2015.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 03 vào ngày 18 tháng 05 năm 2018.

Công ty có trụ sở tại: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, hoạt động chính của Công ty là sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub>.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Hoàng Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Huỳnh Song Trà	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Hoàng Văn Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/6/2019)
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/6/2019)
Ông Vũ Đức Hậu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/6/2019)
Ông Nguyễn Đức Vũ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/6/2019)

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị đối với Ông Hoàng Văn Hùng và Ông Hoàng Anh Quân và thông qua việc bầu bổ sung Ông Vũ Đức Hậu và Ông Nguyễn Đức Vũ vào Hội đồng Quản trị của Công ty.

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Lê Anh Tuấn	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Don	Ủy viên
Ông Mai Việt Cường	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Quân (*)	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/01/2019)
Ông Trần Trọng Tặng	Phó Tổng Giám đốc

(\*) Ông Hoàng Anh Quân thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 02/01/2019 theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-YBM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên:

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ:

Tổng Giám đốc

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh trong và sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ban Tổng Giám đốc cho rằng, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI  
Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

---

### 7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**NGUYỄN TIẾN DŨNG**

Tổng Giám đốc

TP. Yên Bái, ngày 29 tháng 08 năm 2019



Số: 011/2019/BCSX-HT.00041

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2019, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (Tiếp theo)

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**TRẦN ĐÌNH DŨNG**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1788-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>293.722.585.597</b>	<b>225.830.372.216</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.558.244.298</b>	<b>3.005.741.321</b>
1. Tiền	111		2.558.244.298	3.005.741.321
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>160.351.553.865</b>	<b>77.251.499.989</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	149.607.692.225	67.994.223.682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.395.650.723	4.105.841.066
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	5.348.210.917	5.151.435.241
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>96.480.429.141</b>	<b>107.433.673.327</b>
1. Hàng tồn kho	141		96.480.429.141	107.433.673.327
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.332.358.293</b>	<b>38.139.457.579</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	3.919.905.516	7.872.258.554
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.411.641.777	30.266.388.025
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	811.000	811.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>253.417.729.073</b>	<b>260.171.176.381</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.415.558.989</b>	<b>1.415.558.989</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.415.558.989	1.415.558.989
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>202.187.665.423</b>	<b>209.291.405.785</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	95.574.790.639	98.809.576.685
- Nguyên giá	222		107.826.090.140	107.826.090.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.251.299.501)	(9.016.513.455)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.8	106.569.379.170	110.426.583.486
- Nguyên giá	225		114.382.593.788	114.326.593.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.813.214.618)	(3.900.010.302)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	43.495.614	55.245.614
- Nguyên giá	228		70.500.000	70.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.004.386)	(15.254.386)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>39.734.400.184</b>	<b>39.734.400.184</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		33.750.000.000	33.750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.599.816)	(15.599.816)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.080.104.477</b>	<b>9.729.811.423</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	10.080.104.477	9.729.811.423
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>547.140.314.670</b>	<b>486.001.548.597</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

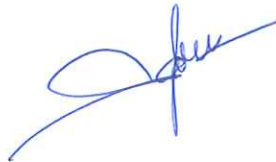
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>379.697.083.572</b>	<b>327.152.462.358</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>274.659.364.403</b>	<b>267.325.135.040</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	64.635.012.350	65.529.080.779
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.567.068.690	850.414.561
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.521.030.760	3.447.753.446
4. Phải trả người lao động	314		2.727.414.928	2.914.439.649
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.397.337.575	907.483.792
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.121.049.032	592.793.970
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	199.690.451.068	193.083.168.843
10. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>105.037.719.169</b>	<b>59.827.327.318</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	105.037.719.169	59.827.327.318
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>167.443.231.098</b>	<b>158.849.086.239</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>167.443.231.098</b>	<b>158.849.086.239</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		129.999.380.000	129.999.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		129.999.380.000	129.999.380.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.443.851.098	28.849.706.239
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.849.706.239	334.124.634
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.594.144.859	28.515.581.605
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>547.140.314.670</b>	<b>486.001.548.597</b>

TP. Yên Bái, ngày 29 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Minh Nguyễn Thị Ngọc Minh

Nguyễn Tiến Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>242.440.067.209</b>	<b>147.272.741.436</b>
<b>2 Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>242.440.067.209</b>	<b>147.272.741.436</b>
<b>4 Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.2</b>	<b>174.506.883.721</b>	<b>86.339.627.725</b>
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>67.933.183.488</b>	<b>60.933.113.711</b>
<b>6 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	<b>6.3</b>	<b>156.060.459</b>	<b>3.411.161</b>
<b>7 Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>	<b>6.4</b>	<b>11.452.050.750</b>	<b>5.186.404.893</b>
- Trong đó: Chi phí lãi vay	<b>23</b>		<b>11.288.479.345</b>	<b>4.615.581.843</b>
<b>8 Chi phí bán hàng</b>	<b>24</b>	<b>6.7</b>	<b>42.398.464.796</b>	<b>29.770.478.600</b>
<b>9 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>6.7</b>	<b>4.071.306.228</b>	<b>3.425.189.061</b>
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.167.422.173</b>	<b>22.554.452.318</b>
<b>11 Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	<b>6.5</b>	-	<b>60.260.930</b>
<b>12 Chi phí khác</b>	<b>32</b>	<b>6.6</b>	-	<b>4.200.000</b>
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		-	<b>56.060.930</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>10.167.422.173</b>	<b>22.610.513.248</b>
<b>15 Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>6.9</b>	<b>1.573.277.314</b>	<b>2.261.051.325</b>
<b>16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>		-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>8.594.144.859</b>	<b>20.349.461.923</b>

TP. Yên Bái, ngày 29 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU 

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Minh



Nguyễn Thị Ngọc Minh



Nguyễn Tiến Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.167.422.173	22.610.513.248
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.159.740.362	2.584.902.754
- Các khoản dự phòng	03			-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		163.571.405	570.823.050
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.732.044)	(3.411.161)
- Chi phí lãi vay	06		11.288.479.345	4.615.581.843
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.777.481.241	30.378.409.734
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(83.245.307.628)	(25.709.247.243)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		10.953.244.186	(16.479.070.386)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(524.898.995)	13.280.235.943
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		3.602.059.984	(9.675.659.590)
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13			-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.436.177.562)	(4.607.170.909)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.500.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(52.373.598.774)</b>	<b>(12.812.502.451)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	(39.765.491.945)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.732.044	3.411.161
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.732.044</b>	<b>(45.762.080.784)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		246.271.827.338	161.557.578.265
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(185.146.333.511)	(98.664.528.243)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(9.212.146.530)	(5.335.384.152)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>51.913.347.297</b>	<b>57.557.665.870</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(458.519.433)</b>	<b>(1.016.917.365)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>3.005.741.321</b>	<b>4.310.058.949</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>11.022.410</b>	<b>(68.061.108)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>2.558.244.298</b>	<b>3.225.080.476</b>

TP. Yên Bái, ngày 29 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Minh



Nguyễn Thị Ngọc Minh



Nguyễn Tiến Dũng

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 5200824701 vào ngày 05 tháng 10 năm 2015.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 18 tháng 05 năm 2018. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **129.999.380.000 đồng** (Một trăm hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là YBM.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO<sub>3</sub>.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCO<sub>3</sub>);
- Bán buôn quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh;
- Bán buôn thạch anh, đá xây dựng, Magie Ôxit (MgO)
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;
- Bán buôn xi măng
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá thạch anh, đá xây dựng, Magie Ôxit (MgO);
- Khai thác quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh;
- Sản xuất hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCO<sub>3</sub>);
- Chế biến quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh;
- Chế biến thạch anh, đá xây dựng, Magie Ôxit (MgO);
- Đại lý tàu biển;
- Dịch vụ vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh kho bãi;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc tập đoàn

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có 02 công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái (i)	Thôn Đồng Táng, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.	96,92%	96,92%
Công ty TNHH TALC Việt Nam (ii)	136 phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.	99%	99%

(i) Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5200473161, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ 5 ngày 08 tháng 2 năm 2018. Hoạt động chính của công ty này là khai thác đá hoa và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub>.

(ii) Công ty TNHH TALC Việt Nam. Công ty này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600441779, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 9 năm 2008 và thay đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 11 năm 2017. Hoạt động chính của công ty này là khai thác quặng TALC.

### 1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 219 người.

### 1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính giữa niên độ bắt đầu từ 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con được lập vào thời điểm cuối năm. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

## **4.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10

#### 4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hoá theo chính sách chung của Công ty về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

### 4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của các dự án đang thực hiện, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác của doanh nghiệp bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 4.12 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

### 4.13 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

### 4.14 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 4.15 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

### 4.16 Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

### 4.17 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### 4.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 4.19 Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 4.20 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### 4.21 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

### 4.22 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế) và giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (2018 - 2021).

### 4.24 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.25 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ ký cược.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

### Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## 4.26 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Tiền mặt tồn quỹ	170.588.896	44.309.083
Tiền gửi ngân hàng	2.387.655.402	2.961.432.238
<b>Tổng</b>	<b><u>2.558.244.298</u></b>	<b><u>3.005.741.321</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái	18.900.000.000	-	(*)	18.900.000.000	-	(*)
Công ty TNHH TALC Việt Nam	14.850.000.000	-	(*)	14.850.000.000	-	(*)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty CP Đầu tư Năng lượng EuroPlast	6.000.000.000	15.599.816	(*)	6.000.000.000	15.599.816	(*)
<b>Cộng</b>	<b>39.750.000.000</b>	<b>15.599.816</b>	<b>-</b>	<b>39.750.000.000</b>	<b>15.599.816</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty CP Nhựa Châu Âu	19.582.548.700	16.672.777.000
Công ty Cổ phần Polyfill	10.527.059.400	17.432.866.000
Jupiter Chemicals	7.827.375.321	5.648.616.668
Công ty Cổ phần đá Cacbonatcanxi	78.320.102.800	1.332.619.300
Các khoản phải thu khách hàng khác	33.350.606.004	26.907.344.714
<b>Tổng</b>	<b>149.607.692.225</b>	<b>67.994.223.682</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Công ty CP Nhựa Châu Âu	19.582.548.700	16.672.777.000
Công ty Cổ phần Polyfill	10.527.059.400	17.432.866.000
<b>Tổng</b>	<b>30.109.608.100</b>	<b>34.105.643.000</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH MTV sản xuất và Thương mại Vũ Gia Hải Dương	1.070.540.942	567.700.000
Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái	982.514.540	982.514.540
Các tổ chức, cá nhân khác	3.342.595.241	2.555.626.526
<b>Tổng</b>	<b>5.395.650.723</b>	<b>4.105.841.066</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.5 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	564.906.098	-	538.579.770	-
- Ứng trước tiền đền bù giải phóng mặt bằng (*)	4.226.217.100	-	4.226.217.100	-
- Phải thu khác	557.087.719	-	386.638.371	-
<b>Tổng</b>	<b>5.348.210.917</b>	<b>-</b>	<b>5.151.435.241</b>	<b>-</b>
<b>b. Dài hạn</b>				
- Ký quỹ, ký cược	1.415.558.989	-	1.415.558.989	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.415.558.989</b>	<b>-</b>	<b>1.415.558.989</b>	<b>-</b>

(\*) Ứng trước tiền đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái.

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	64.603.145.342	-	87.689.391.062	-
Công cụ, dụng cụ	3.794.892.850	-	2.881.772.001	-
Thành phẩm	28.082.390.949	-	16.862.510.264	-
<b>Tổng</b>	<b>96.480.429.141</b>	<b>-</b>	<b>107.433.673.327</b>	<b>-</b>

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/01/2019	61.299.425.277	38.138.494.264	8.388.170.599	107.826.090.140
Vào ngày 30/06/2019	61.299.425.277	38.138.494.264	8.388.170.599	107.826.090.140
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/01/2019	3.164.395.466	4.674.410.300	1.177.707.689	9.016.513.455
Khấu hao trong năm	1.361.330.380	1.454.047.136	419.408.530	3.234.786.046
Vào ngày 30/06/2019	4.525.725.846	6.128.457.436	1.597.116.219	12.251.299.501
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/01/2019	58.135.029.811	33.464.083.964	7.210.462.910	98.809.576.685
Vào ngày 30/06/2019	56.773.699.431	32.010.036.828	6.791.054.380	95.574.790.639

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 58.624.232.368 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các hạng mục nhà cửa vật kiến trúc xây dựng hoàn thành trong năm 2018 được tạm ghi nhận theo giá trị tập hợp trên sổ kế toán và chưa có đầy đủ hồ sơ quyết toán hoàn thành với tổng nguyên giá là 35.511.482.267 VND.

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc, thiết bị</b>
	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2019	114.326.593.788
Tăng khác	56.000.000
Vào ngày 30/06/2019	<b>114.382.593.788</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2019	3.900.010.302
Khấu hao trong năm	3.913.204.316
Vào ngày 30/06/2019	<b>7.813.214.618</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2019	<b>110.426.583.486</b>
Vào ngày 30/06/2019	<b>106.569.379.170</b>

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Máy móc, thiết bị</b>
	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2019	70.500.000
Vào ngày 30/06/2019	<b>70.500.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2019	15.254.386
Khấu hao trong năm	11.750.000
Vào ngày 30/06/2019	<b>27.004.386</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2019	<b>55.245.614</b>
Vào ngày 30/06/2019	<b>43.495.614</b>

**5.10 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	3.690.185.479	7.213.402.891
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	229.720.037	658.855.663
<b>Tổng</b>	<b>3.919.905.516</b>	<b>7.872.258.554</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	622.524.704	197.934.608
Chi phí giải phóng mặt bằng	8.384.452.549	8.475.206.901
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.073.127.224	1.056.669.914
<b>Tổng</b>	<b>10.080.104.477</b>	<b>9.729.811.423</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.11 Vay và nợ thuế tài chính**

	01/01/2019		30/06/2019			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay và nợ ngắn hạn (I)</b>	<b>193.083.168.843</b>	<b>193.083.168.843</b>	<b>201.302.324.961</b>	<b>194.695.042.736</b>	<b>199.690.451.068</b>	<b>199.690.451.068</b>
<b><u>Vay ngắn hạn</u></b>	<b>171.814.527.990</b>	<b>171.814.527.990</b>	<b>192.064.875.744</b>	<b>184.146.333.511</b>	<b>179.733.070.223</b>	<b>179.733.070.223</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	104.901.682.515	104.901.682.515	138.214.061.836	124.248.353.542	118.867.390.809	118.867.390.809
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	49.882.245.475	49.882.245.475	53.850.813.908	54.147.979.969	49.585.079.414	49.585.079.414
Bà Hoàng Thị Hiền (iii)	17.030.600.000	17.030.600.000	-	5.750.000.000	11.280.600.000	11.280.600.000
<b><u>Nợ dài hạn đến hạn trả</u></b>	<b>21.268.640.853</b>	<b>21.268.640.853</b>	<b>9.237.449.217</b>	<b>10.548.709.225</b>	<b>19.957.380.845</b>	<b>19.957.380.845</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iv)	320.000.000	320.000.000	160.000.000	160.000.000	320.000.000	320.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (v)	2.986.096.621	2.986.096.621	1.541.903.379	1.182.000.000	3.346.000.000	3.346.000.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chaillesee (vii)	4.321.191.761	4.321.191.761	780.501.121	2.423.694.653	2.677.998.229	2.677.998.229
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (vii)	12.809.536.471	12.809.536.471	6.333.690.961	6.365.291.320	12.777.936.112	12.777.936.112
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV- SuMi Trust – Chi nhánh Hà Nội (vii)	831.816.000	831.816.000	421.353.756	417.723.252	835.446.504	835.446.504
<b>b) Vay và nợ dài hạn (II)</b>	<b>59.827.327.318</b>	<b>59.827.327.318</b>	<b>54.447.841.068</b>	<b>9.237.449.217</b>	<b>105.037.719.169</b>	<b>105.037.719.169</b>
<b><u>Từ 1 đến 5 năm</u></b>	<b>59.827.327.318</b>	<b>59.827.327.318</b>	<b>54.447.841.068</b>	<b>9.237.449.217</b>	<b>105.037.719.169</b>	<b>105.037.719.169</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iv)	800.000.000	800.000.000	-	160.000.000	640.000.000	640.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (v)	14.995.626.719	14.995.626.719	-	1.541.903.379	13.453.723.340	13.453.723.340
Bà Trần Quỳnh Lê (vi)	-	-	54.300.000.000	-	54.300.000.000	54.300.000.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chaillesee (vii)	772.245.911	772.245.911	8.255.210	780.501.121	-	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (vii)	39.983.658.688	39.983.658.688	139.585.858	6.333.690.961	33.789.553.585	33.789.553.585
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV- SuMi Trust – Chi nhánh Hà Nội (vii)	3.275.796.000	3.275.796.000	-	421.353.756	2.854.442.244	2.854.442.244
<b>Tổng (I+II)</b>	<b>252.910.496.161</b>	<b>252.910.496.161</b>	<b>255.750.166.029</b>	<b>203.932.491.953</b>	<b>304.728.170.237</b>	<b>304.728.170.237</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

#### Trong đó:

- (i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/7958039/HĐTĐ ký vào ngày 15 tháng 08 năm 2018 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức tín dụng là 90 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân cụ thể. Khoản vay được Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu bảo lãnh, theo đó Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu cam kết chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ đúng hạn các nghĩa vụ đến hạn của Công ty. Số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2019 là 118.867.390.809 VND, bao gồm:
- 58 khế ước vay bằng tiền Việt Nam Đồng với số dư nợ vay là 108.370.759.888 VND, thời hạn vay là 165 ngày với lãi suất 8,7%/năm;
  - 04 khế ước vay bằng đồng Đô la Mỹ (USD) với số dư nợ vay là 449.246 USD tương đương 10.496.630.921 VND, thời hạn vay là 165 ngày với lãi suất 5,1%/năm.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cung tín dụng số HDTD số 50/2018-HDCVHM/NHCT140-YBM ký ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND, thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày ký hợp đồng cho vay đến ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân cụ thể có điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bao gồm: 1) quyền tài sản phát sinh từ việc khai thác bằng phương pháp lộ thiên đá hoa của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái (Công ty con) theo Giấy phép khai thác số 333GP-BTNMT cấp ngày 28 tháng 02 năm 2011; 2) Quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu vào Công ty; 3) Quyền tài sản và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh thu được từ việc hình thành, kinh doanh, khai thác Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0558173156 do UBND tỉnh Yên Bái cấp ngày 15 tháng 6 năm 2017. Số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2019 bao gồm 21 khế ước vay với số tiền 49.585.079.414 VND, thời hạn vay là 151 ngày với lãi suất 7,5%/năm.
- (iii) Khoản vay cá nhân ngắn hạn theo hợp đồng vay số 01/2018/HĐTĐCN ngày 01 tháng 07 năm 2018 của bà Hoàng Thị Hiền với số tiền vay là 17.030.600.000 đồng, ngày đáo hạn 30 tháng 06 năm 2019, lãi suất 8% một năm tính từ ngày nhận tiền vay. Số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2019 là 11.280.600.000 VND.
- (iv) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 03/2017/7958039/HĐTĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền vay là 1.600.000.000 đồng. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2019 là 960.000.000 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2019 là 320.000.000 VND). Khoản vay có thời hạn 60 tháng tính từ ngày khoản vay đầu tiên được giải ngân với lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng một lần. Hình thức đảm bảo tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 62/2017-HĐCVDADT/NHCT131-KSYP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền vay là 900.000.000 VND. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2019 là 250.000.000 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2019 là 250.000.000 VND). Khoản vay có thời hạn 36 tháng tính từ ngày khoản vay đầu tiên được giải ngân với mức lãi suất 8%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 61/2018-HĐCVDADT/NHCT140- YBM ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long với hạn mức 38 tỷ VND. Thời gian cho vay là 6 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở + Biên độ tối thiểu 4%/năm. Số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2019 là 16.549.723.340 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2019 là 3.096.000.000 VND).
- (vi) Khoản vay cá nhân dài hạn theo hợp đồng vay số 01/2019/HĐTĐCN ngày 05 tháng 01 năm 2019 của bà Trần Quỳnh Lê với tổng số tiền vay không vượt quá 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, ngày đáo hạn 05 tháng 01 năm 2024, lãi suất 8% một năm tính từ ngày nhận tiền vay, tiền lãi được trả vào cuối thời hạn vay. Số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2019 là 54.300.000.000 VND.
- (vii) Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 52.935.376.674 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 16.291.380.845 VND), bao gồm:

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Nợ thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease bao gồm 5 hợp đồng thuê tài chính với số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2019 là 2.677.998.229 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 2.677.998.229 VND). Cụ thể như sau:
  - + Hợp đồng thuê tài chính số A161005512 ngày 14/11/2016 với giá trị thuê là 1.819.692.000 VND (chưa gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 1.819.692.000 VND được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 50.518.806 VND. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 154.609.571 VND và chịu lãi suất là 8.78%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 253.609.014 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 253.609.014 VND).
  - + Hợp đồng thuê tài chính số A161007712 ngày 22 tháng 12 năm 2016 với giá trị thuê là 1.875.903.750 VND (chưa gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 1.875.903.750 VND được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 52.108.438 VND. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 144.462.780 VND và chịu lãi suất là 8.73%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 312.650.616 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 312.650.616 VND).
  - + Hợp đồng thuê tài chính số A160605112 ngày 12 tháng 8 năm 2016 với giá trị thuê là 4.321.884.000 VND (chưa gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 4.321.884.000 VND được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 120.052.333 VND. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 378.185.500 VND và chịu lãi suất là 8.69%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 240.104.667 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 240.104.667 VND).
  - + Hợp đồng thuê tài chính số A170403912 ngày 10 tháng 4 năm 2017 với giá trị thuê là 210.000 USD tương đương 4.796.400.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 210.000 USD được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 5.833,33 USD. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 18.620 USD và chịu lãi suất LIBOR 3 tháng + Margin (3.42%). Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 58.333,42 USD tương đương 1.362.960.358 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 58.333,42 USD tương đương 1.362.960.358 VND).
  - + Hợp đồng thuê tài chính số A170404512 ngày 19 tháng 5 năm 2017 với giá trị hợp đồng là 76.000 USD tương đương 1.735.840.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 71.250 USD (đã trừ phần trả trước 4.750 USD) được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 1.979,17 USD. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 67.925 USD và chịu lãi suất LIBOR 3 tháng + Margin (3.42%). Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 21.770,75 USD tương đương 508.673.574 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 21.770,75 USD tương đương 508.673.574 VND).
- Nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bao gồm 5 hợp đồng thuê với số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2019 là 46.567.489.697 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 12.777.936.112 VND). Cụ thể như sau:
  - + Hợp đồng thuê tài chính số 14.17.04/CTTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 với số tiền cho thuê là 4.262.326.091 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Thời hạn thuê là 60 tháng, thời hạn thu hồi nợ gốc là 57 tháng (ân hạn 3 tháng), lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân hình thức trả lãi sau do Vietcombank Sở giao dịch công bố cộng biên độ 3%/năm. Khoản vay được cam kết bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu đối với toàn bộ khoản tiền bao gồm: tiền gốc, tiền lãi, lãi quá hạn và toàn bộ chi phí phát sinh khác (nếu có) thuộc các hợp đồng cho thuê tài chính ký giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 2.939.535.233 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 881.860.572 VND).
  - + Hợp đồng thuê tài chính số 14.17.05/CTTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 với số tiền cho thuê là 1.160.460 USD, đã giải ngân 1.120.070 USD (chưa bao gồm thuế GTGT). Thời hạn thuê là 60 tháng, thời hạn thu hồi nợ gốc là 57 tháng (ân hạn 3 tháng), lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất Libor kỳ hạn 06 tháng bằng đồng USD cộng biên độ 3,1%/năm. Khoản nợ thuê tài chính được cam kết bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu đối với toàn bộ khoản tiền bao gồm: tiền gốc, tiền lãi, lãi quá hạn và toàn bộ chi phí phát sinh khác (nếu có) thuộc

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- các hợp đồng cho thuê tài chính ký giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 777.052,84 USD tương đương 18.155.839.607 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 233.115,84 USD tương đương 5.446.751.602 VND).
- + Hợp đồng thuê tài chính số 14.18.02/CTTC ngày 04 tháng 06 năm 2018 với số tiền cho thuê là 467.600 USD, đã giải ngân 434.200 USD (chưa bao gồm thuế GTGT). Thời hạn thuê là 60 tháng, thời hạn thu hồi nợ gốc là 59 tháng (ân hạn 1 tháng), lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng USD cộng biên độ 2,9%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 369.069,97 USD tương đương 8.623.319.849 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 86.840,04 USD tương đương 2.029.017.535 VND).
  - + Hợp đồng thuê tài chính số 14.18.03/CTTC ngày 04 tháng 06 năm 2018 với số tiền cho thuê là 17.931.240.615 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Thời hạn thuê là 60 tháng, thời hạn thu hồi nợ gốc là 57 tháng (ân hạn 3 tháng), lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 3%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 15.178.106.010 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 3.794.526.504 VND).
  - + Hợp đồng thuê tài chính số 14.18.04/CTTC ngày 29 tháng 08 năm 2018 với số tiền cho thuê là 2.035.727.273 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Thời hạn thuê là 60 tháng đối với máy xúc lật, đối với xe nâng là 36 tháng; thời hạn thu hồi nợ gốc là 57 tháng đối với máy xúc lật, với xe nâng là 33 tháng (ân hạn 3 tháng), lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 3%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 1.670.688.998 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 625.779.900 VND).
  - Nợ thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi Trust - Chi nhánh Hà Nội bao gồm 3 hợp đồng thuê với số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2019 là 3.689.888.748 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 835.446.504 VND). Cụ thể như sau:
    - + Hợp đồng thuê tài chính số 21718000169/HĐCTTC ngày 19 tháng 11 năm 2018 với giá trị thuê là 1.059.080.000 VND (chưa gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 1.059.080.000 VND được trả thành 60 lần bằng nhau với số tiền 17.651.333 VND. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 31.900.000 VND và chịu lãi suất là 8,5%/năm trong vòng 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 lãi suất thuê được tính bằng lãi suất libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 2,6%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 935.520.669 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 211.815.996 VND).
    - + Hợp đồng thuê tài chính số 21718000170/HĐCTTC ngày 19 tháng 11 năm 2018 với giá trị thuê là 2.029.000.000 VND (chưa gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 2.029.000.000 VND được trả thành 60 lần bằng nhau với số tiền 33.816.647 VND. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 61.106.000 VND và chịu lãi suất là 8,5%/năm trong vòng 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 lãi suất thuê được tính bằng lãi suất libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 2,6%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 1.792.283.331 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 405.800.004 VND).
    - + Hợp đồng thuê tài chính số 21718000185/HĐCTTC ngày 22 tháng 12 năm 2018 với giá trị thuê là 1.071.000.000 VND (chưa gồm thuế GTGT). Giá trị gốc thuê 1.071.000.000 VND được trả thành 60 lần bằng nhau với số tiền 17.850.000 VND. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng số tiền 32.255.000 VND và chịu lãi suất là 8,5%/năm trong vòng 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 lãi suất thuê được tính bằng lãi suất libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 2,6%/năm. Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2019 là 962.084.748 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong 12 tháng tới là 217.830.504 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND
<b>6 tháng đầu năm 2019</b>			
Từ 1 năm trở xuống	11.423.145.016	2.210.998.486	9.212.146.530
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-
	<b>11.423.145.016</b>	<b>2.210.998.486</b>	<b>9.212.146.530</b>
<b>6 tháng đầu năm 2018</b>			
Từ 1 năm trở xuống	3.876.019.909	629.185.195	3.246.834.714
Trên 1 năm đến 5 năm	2.512.901.397	424.351.959	2.088.549.438
	<b>6.388.921.306</b>	<b>1.053.537.154</b>	<b>5.335.384.152</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	503.872.600	503.872.600	5.500.563.300	5.500.563.300
Công ty CP Quốc Tế Khoáng Sản Việt Nam	361.790.000	361.790.000	7.799.110.000	7.799.110.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải & TM Đức Long	4.194.869.194	4.194.869.194	4.511.477.477	4.511.477.477
Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng Minh Đức	7.683.959.869	7.683.959.869	4.009.224.775	4.009.224.775
Công ty TNHH bao bì Việt Bắc	2.771.335.477	2.771.335.477	4.233.679.582	4.233.679.582
Công ty TNHH Vận Tải Huy Hoàng Yên Bái	3.561.596.373	3.561.596.373	4.800.830.893	4.800.830.893
Công ty Cổ phần thương mại vận tải Yên Bái	5.025.142.621	5.025.142.621	3.307.108.441	3.307.108.441
Công ty TNHH XNK Thương mại Giang Sơn	8.077.099.273	8.077.099.273	1.841.932.416	1.841.932.416
Các đối tượng khác	32.455.346.943	32.455.346.943	29.525.153.895	29.525.153.895
<b>Tổng</b>	<b>64.635.012.350</b>	<b>64.635.012.350</b>	<b>65.529.080.779</b>	<b>65.529.080.779</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	503.872.600	503.872.600	5.500.563.300	5.500.563.300
<b>Tổng</b>	<b>503.872.600</b>	<b>503.872.600</b>	<b>5.500.563.300</b>	<b>5.500.563.300</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
 Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	<b>30/06/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
Công ty TNHH Châu Anh Yên Bái	-	155.515.576
KESHARDEO DWARKADAS	120.079.200	120.079.200
Sunixchem Private Limited	109.280.898	109.280.898
Công ty TNHH Nhựa VICO Việt Nam	500.000.000	-
Các khách hàng khác	837.708.592	465.538.887
<b>Tổng</b>	<b>1.567.068.690</b>	<b>850.414.561</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	<b>01/01/2019</b> VND	<b>Số phải nộp</b> VND	<b>Số đã nộp</b> VND	<b>30/06/2019</b> VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	-	16.041.336	16.041.336	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.180.495.454	3.180.495.454	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.440.387.449	1.573.277.314	2.500.000.000	2.513.664.763
Thuế thu nhập cá nhân	7.365.997	-	-	7.365.997
Thuế và phí khác	-	7.640.000	7.640.000	-
<b>Tổng</b>	<b>3.447.753.446</b>	<b>4.777.454.104</b>	<b>5.704.176.790</b>	<b>2.521.030.760</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế xuất, nhập khẩu	811.000	-	-	811.000
<b>Tổng</b>	<b>811.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>811.000</b>

**5.15 Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Lãi vay phải trả	1.397.337.575	907.483.792
<b>Tổng</b>	<b>1.397.337.575</b>	<b>907.483.792</b>

**5.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/06/2019</b> VND	<b>01/01/2019</b> VND
<b>a) Các khoản phải trả ngắn hạn</b>		
- Bảo hiểm xã hội	391.806.456	261.505.354
- Tạm ứng	313.203.696	292.104.856
- Lãi vay phải trả	1.362.448.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	53.590.880	39.183.760
<b>Tổng</b>	<b>2.121.049.032</b>	<b>592.793.970</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.17 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Số dư 01/01/2018</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>30.244.823.664</b>	<b>130.244.823.664</b>
Vốn góp trong kỳ	29.999.380.000	-	29.999.380.000
Lãi trong kỳ	-	28.515.581.605	28.515.581.605
Chia cổ tức	-	(29.999.380.000)	(29.999.380.000)
Tặng khác	-	88.680.970	88.680.970
<b>Số dư 31/12/2018</b>	<b>129.999.380.000</b>	<b>28.849.706.239</b>	<b>158.849.086.239</b>
<b>Số dư 01/01/2019</b>	129.999.380.000	28.849.706.239	158.849.086.239
Lãi trong kỳ	-	8.594.144.859	8.594.144.859
<b>Số dư 30/06/2019</b>	<b>129.999.380.000</b>	<b>37.443.851.098</b>	<b>167.443.231.098</b>

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 129.999.380.000 đồng, chia thành 12.999.938 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 30/06/2019 như sau:

Cổ đông	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	29.900.000.000	23,00%	29.900.000.000	23,00%
Ông Nguyễn Tiến Dũng	1.000.000.000	0,77%	1.000.000.000	1,00%
Ông Hoàng Anh Quân	600.000.000	0,46%	600.000.000	0,57%
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	300.000.000	0,23%	300.000.000	0,50%
Các cổ đông khác	98.199.380.000	75,54%	98.199.380.000	74,93%
<b>Tổng</b>	<b>129.999.380.000</b>	<b>100%</b>	<b>129.999.380.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.999.938	12.999.938
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.999.938	12.999.938
- Cổ phiếu phổ thông	12.999.938	12.999.938
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.999.938	12.999.938
- Cổ phiếu phổ thông	12.999.938	12.999.938
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**Phân phối lợi nhuận**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu và 10% bằng tiền mặt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**5.18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	69.157,53	83.634,63

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</u>
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	242.440.067.209	147.272.741.436
<b>Tổng</b>	<b>242.440.067.209</b>	<b>147.272.741.436</b>
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty CP Nhựa Châu Âu	52.226.901.025	71.274.802.500
Công ty Cổ phần Polyfill	30.275.354.000	28.947.308.500
<b>Tổng</b>	<b>82.502.255.025</b>	<b>100.222.111.000</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</u>
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	174.506.883.721	86.339.627.725
<b>Tổng</b>	<b>174.506.883.721</b>	<b>86.339.627.725</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</u>
Lãi tiền gửi	1.732.044	3.411.161
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	154.328.415	-
<b>Tổng</b>	<b>156.060.459</b>	<b>3.411.161</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</u>
Lãi tiền vay;	11.288.479.345	4.615.581.843
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	163.571.405	570.823.050
<b>Tổng</b>	<b>11.452.050.750</b>	<b>5.186.404.893</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

<b>6.5 Thu nhập khác</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</b>
Tiền bồi thường từ bảo hiểm	-	60.260.930
Các khoản khác.	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>60.260.930</b>
<b>6.6 Chi phí khác</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</b>
Các khoản khác	-	4.200.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>4.200.000</b>
<b>6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</b>
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>4.071.306.228</b>	<b>3.425.189.061</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN:		
Chi phí nhân viên	1.594.328.330	1.148.951.011
Chi phí khấu hao TSCĐ	180.697.636	180.697.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	758.377.861	1.819.579.323
- Các khoản chi phí QLDN khác.	1.537.902.401	275.961.091
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>42.398.464.796</b>	<b>29.770.478.600</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng:		
Chi phí đóng gói	-	2.723.397.700
Chi phí vận chuyển	41.369.551.895	25.934.802.188
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	1.028.912.901	1.112.278.712
<b>6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	53.584.189.151	37.305.413.731
Chi phí nhân công	10.715.726.987	7.389.975.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.159.740.362	2.584.902.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.249.739.463	46.540.120.392
Chi phí khác	6.851.552.737	2.503.073.420
<b>Tổng</b>	<b>155.560.948.700</b>	<b>96.323.485.329</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**

**Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế) và giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (2018 - 2021).

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Lợi nhuận kế toán trong năm của Công ty được đối chiếu về lợi nhuận chịu thuế như sau:

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	1.573.277.314	2.261.051.325
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.573.277.314</b>	<b>2.261.051.325</b>

(\*) *Chi tiết chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành*

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>10.167.422.173</b>	<b>22.610.513.248</b>
<i>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</i>	5.565.350.969	-
Các khoản điều chỉnh tăng	5.565.350.969	-
+ Các khoản phạt	5.565.350.969	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước</b>	<b>15.732.773.142</b>	<b>22.610.513.248</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>15.732.773.142</b>	<b>22.610.513.248</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả năm hiện hành</b>	<b>3.146.554.628</b>	<b>4.522.102.650</b>
Thuế TNDN phải trả năm hiện hành được miễn giảm	1.573.277.314	2.261.051.325
<b>Thuế TNDN phải trả năm hiện hành sau miễn giảm</b>	<b>1.573.277.314</b>	<b>2.261.051.325</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tăng vốn từ chia cổ tức	-	29.999.380.000

**7.2 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	246.271.827.338	161.557.578.265
<b>Cộng</b>	<b>246.271.827.338</b>	<b>161.557.578.265</b>

**7.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	185.146.333.511	98.664.528.243
<b>Cộng</b>	<b>185.146.333.511</b>	<b>98.664.528.243</b>

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	565.000.000	466.050.530

**8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan***Các đối tượng được xác định là bên liên quan :*

<u>Công ty / đối tượng</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty Cổ phần nhựa Châu Âu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần xuất khẩu, lao động, thương mại và du lịch	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Polyfill	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Điện mặt trời EuroPlast Phú Yên	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Đầu tư năng lượng EuroPlast	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái	Công ty con
Công ty TNHH TALC Việt Nam	Công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:*

	Giao dịch	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Mua nguyên vật liệu đầu vào	1.374.198.000	4.696.048.900
	Bán bột đá CaCO <sub>3</sub>	52.226.901.025	71.274.802.500
Công ty Cổ phần Polyfill	Bán bột đá CaCO <sub>3</sub>	30.275.354.000	28.947.308.500

Ngoài ra trong kỳ tài chính hiện hành, Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu và Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái đã thực hiện bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty. (Xem Thuyết minh 5.11 - Vay và nợ thuê tài chính).

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu</b>		
- Phải thu thương mại	19.582.548.700	16.672.777.000
- Phải trả thương mại	503.872.600	5.500.563.300
<b>Công ty Cổ phần Polyfill</b>		
- Phải thu thương mại	10.527.059.400	17.432.866.000

**9. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ cổ tức là 10% bằng cổ phiếu và 10% bằng tiền mặt.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh trong kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**10. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**11. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.



**NGUYỄN THỊ NGỌC MINH**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ NGỌC MINH**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN TIÊN DŨNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Yên Bái, ngày 29 tháng 08 năm 2019

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN  
CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 05/CBTT-YBM

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

V/v giải trình chênh lệch kết quả kinh  
doanh lũy kế trong báo cáo tài chính  
quý 2 và báo cáo tài chính bán niên  
soát xét

- Kính gửi:**
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
  - Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
  - Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Khoáng sản công nghiệp công nghiệp Yên Bái xin giải trình biến động của số liệu trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét:

Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2/2019 đã công bố	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2/2019 được soát xét	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
<b>I. Báo cáo tài chính riêng</b>				
1. Giá vốn hàng bán	178.653.463.430	174.506.883.721	4.146.579.709	2,32%
2. Chi phí tài chính	9.436.177.562	11.452.050.750	(2.015.873.188)	-21,36%
3. Lợi nhuận sau thuế	7.630.144.251	8.594.144.859	(964.000.608)	-12,63%
<b>II. Báo cáo tài chính hợp nhất</b>				
1. Giá vốn hàng bán	178.653.463.430	174.506.883.821	4.146.579.609	2,32%
2. Chi phí tài chính	9.436.177.562	11.452.050.750	(2.015.873.188)	-21,36%
3. Lợi nhuận sau thuế	7.623.717.434	8.991.750.370	(1.368.032.936)	-17,94%

Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến quý II/2019 đã công bố chênh lệch so với số liệu báo cáo đã soát xét là do một số nguyên nhân sau:



+ Giá vốn hàng bán: Công ty đang tính thừa chi phí trong giá thành dẫn đến giá vốn hàng bán đang ghi nhận thừa 4,1 tỷ

+ Chi phí lãi vay chênh lệch là do công ty chưa ghi nhận các khoản lãi vay phải trả và chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của số dư có gốc ngoại tệ.

Trên đây là giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh doanh lũy kế đến quý 2.2019 đã công bố và báo cáo tài chính quý 2.2019 được soát xét.

Kính báo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Tiến Dũng**

